TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/DSST

Ngày: 22/4/2022

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Tám;

2. Ông Nguyễn Đức Thanh.

- T ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - T ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 617/2020/TLDS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: Số 398, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1996, chức vụ: Nhân viên Phát triển Kinh doanh Khách hàng cá nhân Ngân hàng A; Địa chỉ liên lạc: Số 398, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 69/3 đường C, Tổ 5, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 69/3 đường C, Tổ 5, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn Ngân hàng A trình bày sự việc như sau:

Bà Trần Thị Anh T có quan hệ hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

Tổng hạn mức cấp tín dụng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/01/2015, chi tiết như sau: Số tiền vay là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Trong quá trình vay từ ngày 20/01/2015 đến ngày 20/01/2016 bà T trả được tổng cộng 8.410.846đ (Tám triệu bốn trăm mười nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó vốn là 7.633.077đ (Bảy triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng), lãi trong hạn là 777.769đ (Bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Do bà T không thanh toán vốn và lãi đúng hạn nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền tính đến ngày 02/11/2020 là 17.671.501đ (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm lẻ một đồng), trong đó tiền vốn là 7.366.923đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn 572.231đ (Năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), lãi quá hạn 9.732.347đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

* Tại phiên tòa ngày 22 tháng 4 năm 2022, bà Nguyễn Thị Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do bà T không thanh toán vốn và lãi đúng hạn nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền tính đến ngày 22/4//2022 là 16.948.794đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), trong đó tiền vốn là 7.366.923đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn 572.231đ (Năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), lãi quá hạn 9.009.640đ (Chín triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; bà T

còn phải tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2022 đến ngày bà T trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/01/2015 được ký kết giữa bà T và Ngân hàng A.

Bà T không thế chấp bất kỳ tài sản nào cho nguyên đơn.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bà Trần Thị Anh T và ông Nguyễn Thanh Q nên không có lời khai của bà T và ông Q.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 22/4/2022 là 16.948.794đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), trong đó tiền vốn là 7.366.923đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn là 572.231đ (Năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), lãi quá hạn là 9.009.640đ (Chín triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2022 đến ngày bà T trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/01/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A, Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn trong vụ kiện là bà Trần Thị Anh T hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Trần Thị Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 617/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 kèm giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 kèm giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt mà không rõ lý do nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Q.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A về việc yêu cầu bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 22/4/2022 là 16.948.794đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), trong đó tiền vốn là 7.366.923đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn là 572.231đ (Năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), lãi quá hạn là 9.009.640đ (Chín triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2022 đến ngày bà T trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/01/2015.

Hội đồng xét xử nhận định:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Bà Trần Thị Anh T có vay của nguyên đơn số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/01/2015 với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Trong quá trình vay từ ngày 20/01/2015 đến ngày 20/01/2016 bà T trả được tổng cộng 8.410.846đ (Tám

triệu bốn trăm mười nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó vốn là 7.633.077đ (Bảy triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng), lãi trong hạn 777.769đ (Bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Tính đến ngày 22/4/2022 bà T còn nợ nguyên đơn số tiền là 16.948.794đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), trong đó tiền vốn là 7.366.923đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn là 572.231đ (Năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), lãi quá hạn là 9.009.640đ (Chín triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2022, bà T vẫn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết căn cứ theo Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Phía nguyên đơn xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả tiền, không yêu cầu ông Q trả tiền nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ sự phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp.

Xét cần buộc bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bà Trần Thị Anh T phải trả cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 22/4/2022 tổng cộng là 16.948.794đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), trong đó tiền vốn là 7.366.923đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn là 572.231đ (Năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng), lãi quá hạn là 9.009.640đ (Chín triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi phát sinh từ ngày 23/4/2022, bà T vẫn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/01/2015 căn cứ theo Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà T phải nộp là 847.440đ (Tám trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 441.788đ (Bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng) cho Ngân hàng A theo biên lai số: 0085238 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vũ Thị Thanh Hương